

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 29 - 6 - 2021
V/v Kiện đòi tài liệu, giấy tờ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Quang Toán;

Ông Nguyễn Đức Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS , giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Lao Văn K, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn Th, xã Ph L, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Có mặt.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q và bà Q Thị V.

Địa chỉ: Thôn NN, xã C L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trình bày tại phiên hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông và chị Nguyễn Thị Q trước kia là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào tháng 7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng ông cùng ở trọ với nhau tại thành phố Hải Phòng. Ngày 18/10/2020 bà Q Thị V (Là mẹ chị Q) từ Na Hang , Tuyên Quang đi xuống Hải Phòng rồi đến phòng trọ của vợ chồng ông. Buổi trưa khi ông đi làm về thì gặp bà V. Bà V chửi ông, nói ông là không đi làm mà ăn bám con gái bà. Bà V cho rằng là ông cưỡng hiếp con gái bà. Đầu giờ chiều ông đi làm, hết buổi chiều ông đi làm về thì thấy cửa phòng trọ khoá, đồ đạc bên trong đã được chuyển hết đi. Ông thấy túi để tài liệu, giấy tờ của ông bị để ngoài sân dây nhà trọ. Ông nhặt túi để giấy tờ vào kiểm tra thì không thấy các giấy tờ là Chứng minh thư nhân

dân (Chứng minh thư này được cấp sau ngày 10/7/2020 – ông không nhớ ngày cấp chính xác); Giấy phép lái xe mô tô, Đăng ký xe mô tô (Biển kiểm soát 22B2-255.28); Bảo hiểm xe mô tô; Thẻ bảo hiểm y tế và Giấy chứng nhận kết hôn. Ông phá khoá phòng trọ và vào phòng, ở một mình trong phòng đêm hôm đó. Còn bà V và chị Q ngủ nhờ ở phòng người chị họ ở cách khoảng 50m.

Ngày hôm sau ông đi xe khách từ Hải Phòng về Tuyên Quang. Ông thấy bà V và chị Q cùng đi xe khách đó về. Khi xe dừng nghỉ, ông lấy được điện thoại của chị Q và kiểm tra tin nhắn thì thấy trước đó có người nhắn tin cho chị Q là “Em và mẹ xuống gấp nhưng không kịp báo cho chị”. Nội dung này là có âm mưu lấy giấy tờ của ông để vu cho ông là cưỡng hiếp chị Q.

Ông xác định các giấy tờ của ông để trong túi chỉ do chị Q và bà V lấy nhằm mục đích làm cho ông không có giấy tờ tùy thân, giấy đăng ký kết hôn để vu cho ông cưỡng hiếp chị Q. Ông không có chứng cứ gì để chứng minh chị Q, bà V lấy giấy tờ của ông ngoài lý lẽ nêu trên.

Ông khởi kiện yêu cầu bà Q Thị V và chị Nguyễn Thị Q trả ông các giấy tờ, tài liệu là: Chứng minh thư nhân dân, Đăng ký xe mô tô, Giấy phép lái xe mô tô, Bảo hiểm xe mô tô và Thẻ bảo hiểm y tế.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bà Q Thị V trình bày.

Bà là mẹ chị Nguyễn Thị Q, trước kia chị Q là vợ ông K. Từ khi ở với ông K thì chị Q ít khi gọi điện về nhà, gửi tiền về nhà nuôi con. Có lần gọi được thì chị Q nói là ông K không cho gọi, không cho gửi tiền về. Ngày 18/10/2020 bà xuống Hải Phòng thăm con thì chị nói không muốn cho ông K ở cùng vì ông K không đóng góp tiền chi tiêu, sinh hoạt chung. Do đó bà và chị Q chuyển đồ đạc của chị Q sang phòng trọ của chị họ của chị Q ở. Tối hôm đó ông K về ở một mình một phòng trọ. Ngày hôm sau thì bà và chị Q từ Hải Phòng về Na Hang. Khi ô tô nghỉ ở ngang đường thì bà và chị Q biết được ông K cũng đi cùng trên xe ô tô. Đến Km 31 đường Tuyên Quang đi Hàm Yên thì ông K xuống xe.

Bà xác định giấy tờ của ông K ông K vẫn giữ. Bà và con bà không lấy giấy tờ của ông K. Vì lấy giấy tờ đó cũng không để làm gì và ông K cũng không có căn cứ gì chứng minh bà và con bà lấy các giấy tờ đó.

Chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và ông Lao Văn K trước kia là vợ chồng nhưng đã ly hôn. Trước khi ly hôn thì chị đã sống ly thân với ông K. Ông K cho rằng chị và mẹ chị lấy giấy tờ như chứng minh thư, đăng ký xe mô tô, ... là không có căn cứ. Chị và mẹ chị không lấy. Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu của ông K.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 4, 5, 26, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), Điều 14 Bộ luật Dân sự; xác định đúng Q hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 và Điều 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Do ông K không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông K.

Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã nộp Bản chính chứng minh thư nhân dân số 070503280 do Công an Tuyên Quang cấp ngày 06/7/2010 ;

Tòa án xác minh với Công an huyện Na Hang, Công an tỉnh Tuyên Quang.

Các đương sự không thống nhất với nhau về việc bị đơn có lấy các giấy tờ của nguyên đơn hay không

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Bà Q Thị V, chị Nguyễn Thị Q cư trú tại Thôn NN, xã C L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Ông Lao Văn K kiện đòi bà V, chị Q trả các tài liệu, giấy tờ do cho rằng bà V, chị Q lấy. Toà án đã giải thích cho ông K để ông K có thể đến cơ Q nhà nước có thẩm quyền để xin cấp lại các giấy tờ nhưng ông K có ý kiến vẫn thực hiện quyền khởi kiện. Vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Na Hang theo quy định của các Điều 4, 5, 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14 Bộ luật Dân sự.

[2] Vụ án được Toà án hoà giải nhưng không thành. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị Nguyễn Thị Q xin giải quyết vắng mặt. Bà Q Thị V xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Ông Lao Văn K và chị Nguyễn Thị Q trước kia là vợ chồng. Đăng ký kết hôn tháng 7/2020. Quá trình chung sống vợ chồng ông K, chị Q chung sống với nhau tại nhà trọ ở thành phố Hải Phòng. Do có mâu thuẫn nên chị Q khởi kiện ly hôn. Ông K đồng ý ly hôn tại Toà án nhân dân huyện Na Hang. Ngày 25/12/2020 Toà án nhân dân huyện Na Hang đã ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 49/2020/QĐST-HNGĐ.

Ông K cho rằng ngày 18/10/2020, chị Q và mẹ chị Q là bà Q Thị V đã lấy các giấy tờ là Chứng minh thư nhân dân, Giấy phép lái xe mô tô, Đăng ký xe mô tô, Bảo hiểm xe mô tô, Thẻ bảo hiểm y tế và Giấy chứng nhận kết hôn. Ông kiện yêu cầu bà V, chị Q trả ông Chứng minh thư nhân dân, Giấy phép lái xe mô tô, Đăng ký xe mô tô, Bảo hiểm xe mô tô và Thẻ bảo hiểm y tế.

Toà án đã giải thích cho ông K để ông đến cơ Q nhà nước có thẩm quyền xin cấp lại các giấy tờ nên trên nhưng ông K vẫn thực hiện quyền khởi kiện. Ông K

không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh bà V, chị Q lấy các tài liệu như trên. Bà V, chị Q không thừa nhận lấy tài liệu như ông K kiện. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

[4]. Án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5]. Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 4, 5, 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 235, 244, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14 Bộ luật Dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lao Văn K về việc kiện bà Q Thị V, chị Nguyễn Thị Q trả các tài liệu giấy tờ của ông là Chứng minh thư nhân dân, Giấy phép lái xe mô tô, Đăng ký xe mô tô, Bảo hiểm xe mô tô và Bảo hiểm y tế.

2. Về án phí: Ông Lao Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002247 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Hang. Ông K đã nộp đủ án phí

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Q Toán Nguyễn Đức Nhâm

Phan Anh Thành

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Na Hang;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

